

Bản án số: 307/2026/DS-PT

Ngày: 26 - 3 - 2026

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và
tài sản gắn liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê;

Bà Võ Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2026/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm
2026 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của
Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 265/2026/QĐ-PT ngày
02 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 354/2026/QĐ-
PT ngày 18 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1961; (có mặt)

2/ Bà Mai Thị V, sinh năm 1960; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Trần Văn P, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, phường N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thanh V1, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Lê Hòa B, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Hữu M và bà Mai Thị V, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn P trình bày:

Vợ chồng ông M và bà V có hai thửa đất là thửa 2404 diện tích 370m² và thửa 2405 diện tích 378m², cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do ông Nguyễn Hữu M và bà Mai Thị V đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do vợ chồng ông M mua. Trên đất có một căn nhà gỗ tạp, trong nhà có tài sản là một đi văng, một giường hộp và một tủ thờ mẹ ruột ông M. Sau khi mẹ ông M qua đời thì người em gái của ông M là bà Nguyễn Thanh V1 ở và sử dụng căn nhà cùng các tài sản trong nhà từ năm 2011 cho đến nay. Giữa vợ chồng ông M với bà Thanh V1 chỉ thỏa thuận cho bà Thanh V1 mượn đất, nhà để ở tạm nuôi mẹ chứ không có thể hiện văn bản thỏa thuận nào cho đất bà Thanh V1 luôn. Hai thửa đất trên là do vợ chồng ông M mua và đứng tên quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng ông M có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu bà Thanh V1 phải trả đất lại nhưng bà Thanh V1 không đồng ý thỏa thuận.

Ông M và bà Mai Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thanh V1 phải trả lại diện tích đất và căn nhà xây khoảng 90m² cùng các tài sản gắn liền trên căn nhà gồm: một cái đi văng, một cái giường hộp và một cái tủ thờ. Phía ông M thống nhất hỗ trợ cho bà Thanh V1 số tiền di dời tìm chỗ ở khác là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và cho bà Thanh V1 thời hạn di dời là 06 tháng.

Theo đơn yêu cầu phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thanh V1, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Hòa B trình bày:

Bà Thanh V1 là em ruột của ông M, khi mẹ của ông M, bà Thanh V1 là bà Lục Thị N còn sống thì bà Thanh V1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi bà N qua đời. Ông M có vợ là bà Mai Thị V rời về huyện C sinh sống. Bà Thanh V1 thừa nhận thừa đất 2404, 2405 tờ bản đồ số 7 tại ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long là quyền sở hữu của ông M, bà Mai Thị V, phần đất này do ông M, bà Mai Thị V mua và không có ở do ông M cưới vợ về sống ở Cầu N nên cho bà Thanh V1 về ở để chăm lo cho mẹ là bà Lục Thị N. Vào năm 2014, ông M bán một nền đất liền kề cho ông C, phần còn lại ông M để cho bà Thanh V1 ở và làm nhà thờ cho cha mẹ và ông M, bà Thanh V1 là người quản lý căn nhà, thờ cúng mẹ. Năm 2021, ông M có làm giấy ủy quyền cho bà Thanh V1 ở trên đất và căn nhà này vĩnh viễn. Nhưng nay ông M yêu cầu bà Thanh V1 trả lại căn nhà diện tích khoảng 90m² và các tài sản trong nhà gồm đi văng, giường hộp, tủ thờ gắn liền trên thửa đất 2404 và thửa 2405 tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long thì bà Thanh V1 không đồng ý vì bà Thanh V1 không còn phần đất nào khác để ở và trước đây ông M đã hứa cho bà Thanh V1 ở vĩnh viễn căn nhà này.

Riêng tài sản cái tủ thờ là do bà Thanh V1 lấy tiền đám tang của mẹ để mua dùng cho việc thờ cúng mẹ, phần cái giường hộp và đi văng là do ông M thuê thợ đóng tặng cho bà khi bà cưới vợ cho con trai của bà vào năm 2020, ông M đã cho rồi thì không có quyền lấy lại. Trong vụ án này, bà Thanh V1 có yêu cầu phản tố, yêu cầu công nhận cho bà được hưởng diện tích 162,2m² (Phần A và Phần B) của kết quả khảo sát ngày 19/5/2024 vì hiện nay bà Thanh V1 đang ở trên căn nhà này, bà Thanh V1 không còn chỗ ở nào khác, phần đất còn lại bà thống nhất giao trả lại cho ông M.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu M.

Buộc bà Nguyễn Thanh V1 có nghĩa vụ di dời nhà tiền chế, mái che và tài sản trong nhà để trả lại cho ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V thửa đất 2404 và thửa đất 2405 tờ bản đồ số 7, tại ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc ông Nguyễn Hữu M và bà Mai Thị V phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà Nguyễn Thanh V1 số tiền gìn giữ, tu bổ làm tăng giá trị của đất, tiền di dời tổng cộng là 308.690.000 đồng (ba trăm lẻ tám triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thanh V1 đối với yêu cầu công nhận diện tích 162,2m² cùng căn nhà cây gỗ tạp trên đất.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu M và bà Mai Thị V về việc yêu cầu các tài sản trong nhà gồm: một cái đi văng, một cái giường hộp và một cái tủ thờ.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, đề nghị các bên đương sự giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Nghiêm cấm việc đào phá, hủy hoại làm thay đổi hiện trạng đất, không được chuyển nhượng hoặc thực hiện bất cứ hình thức nào khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M và bà Mai Thị V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc buộc nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bị đơn số tiền 308.990.000 đồng và yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tài sản, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn 01 đi văng, 01 tủ thờ, 01 giường hộp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn rút kháng cáo đối với tài sản gồm 01 đi văng, 01 tủ thờ, 01 giường hộp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất tranh chấp do nguyên đơn đang giữ, không có thể chấp vay vốn ngân hàng. Nguyên đơn tự nguyện đồng ý giao cho bị đơn số tiền công sức là 150.000.000 đồng và đồng ý cho bị đơn lưu cư thời gian 01 năm để di dời, giao trả đất cho nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu nguyên đơn trả tiền công sức tu bổ đất, bom cát là 250.000.000 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 148, Điều 289, Điều 312, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V đối với tài sản gồm đi vắng, tử thờ, giường hộp.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V đối với chi phí cải tạo, bơm cát.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long theo hướng ông M và bà Mai Thị V không phải trả tiền 660 khối cát tương đương số tiền 145.200.000 đồng cho bà Nguyễn Thanh V1 vì không có cơ sở xem xét. Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thanh V1 15% giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với số tiền là 170.235.000 đồng và chi phí hỗ trợ di dời là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 220.235.000 đồng. Ghi nhận nguyên đơn ông M, bà V1 đồng ý để bà Nguyễn Thanh V1 lưu cư 01 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M và bà Mai Thị V, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Phần đất tranh chấp gồm thửa đất 2404 diện tích 370m² và thửa đất 2405 diện tích 378m² cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long) được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V vào ngày 10/10/2011.

Các bên thống nhất thừa nhận nguồn gốc của hai thửa đất 2404 và 2405 là do vợ chồng ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V nhận chuyển nhượng, trên đất có một căn nhà gỗ tạp do ông M xây dựng, tài sản trong nhà có một đi văng, một giường hộp và một tủ để thờ mẹ ruột ông M. Sau khi mẹ ông M là bà Lục Thị N qua đời thì bị đơn là bà Nguyễn Thanh V1 ở tại căn nhà và sử dụng các tài sản trong nhà từ năm 2011 cho đến nay. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn cho rằng chỉ thỏa thuận bằng miệng là cho bị đơn mượn quyền sử dụng đất và căn nhà để ở nuôi mẹ chứ không có văn bản thỏa thuận tặng cho đất và tài sản cho bị đơn. Bị đơn cho rằng đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn nhưng nguyên đơn đã cho bị đơn. Theo quy định tại điều 503 Bộ luật Dân sự thì việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật đất đai. Thực tế, ông M có viết Tờ cho đất vĩnh viễn đề ngày 08/6/2021 và Giấy uỷ quyền sử dụng đất thờ cúng (đất hương hỏa) cho bà Nguyễn Thanh V1 đề ngày 16/6/2021, nhưng các văn bản này không có công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật và ông M cũng không chuyển quyền sử dụng đất cho bà Thanh V1, bà Thanh V1 không yêu cầu ông M sang tên cho bà, không thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định. Do đó, việc tặng cho chưa phát sinh hiệu lực nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc công nhận đất, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả đất cho nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thời gian sử dụng đất của bị đơn từ năm 2011. Nguyên đơn cho rằng bị đơn không có công sức trên đất. Bị đơn cho rằng có bơm cát và có công sức tu bổ đất như Tòa án cấp sơ thẩm tính và thống nhất với số tiền Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là 308.690.000 đồng. Chứng cứ bị đơn đưa ra là các giấy xác nhận viết tay không có công chứng, chứng thực, không có cơ sở xác thực. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các giấy xác nhận đó để xác định công sức cho bị đơn như bản án sơ thẩm tuyên là chưa có cơ sở. Tuy nhiên, nguyên đơn cũng thừa nhận do bị đơn không có đất, không có nhà ở nên nguyên đơn viết giấy cho bị đơn ở vĩnh viễn nhưng do bị đơn có ý định muốn bán đất nên nguyên đơn khởi kiện đòi lại đất. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn ở trên đất từ năm 2011, hơn nữa nguyên đơn đã viết giấy cho đất vĩnh viễn làm cho bị đơn xem như đây là tài sản của mình nên đương nhiên hết lòng gìn giữ, tu bổ. Do đó, dù ít hay nhiều thì bị đơn cũng có công sức trên đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả tiền công sức số tiền là 250.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh. Đối với nguyên đơn, qua phân tích của Hội

đồng xét xử, nguyên đơn đồng ý trả cho bị đơn công sức tu bổ, giữ gìn đất và hỗ trợ chi phí di dời số tiền tổng cộng là 150.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn trả cho bị đơn tiền công sức tu bổ, giữ gìn đất và hỗ trợ chi phí di dời số tiền tổng cộng là 150.000.000 đồng.

[2.2] Nguyên đơn rút kháng cáo về việc yêu cầu bị đơn trả 01 tủ thờ, 01 giường hộp, 01 đi văng. Việc rút kháng cáo là tự nguyện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý cho bị đơn thời gian lưu cư là 01 năm kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tại phiên tòa là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thanh V1 trả tài sản gồm 01 đi văng, 01 tủ thờ, 01 giường hộp.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 12, các Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V.

Buộc bà Nguyễn Thanh V1 có nghĩa vụ di dời nhà tiền chế, mái che và tài sản trong nhà để trả lại cho ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V thửa đất số 2404 và thửa đất số 2405, cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 297/CNHCT ngày 19/5/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Trà Vinh).

2. Bà Nguyễn Thanh V1 được quyền lưu cư tại căn nhà trên đất thời gian là 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Buộc ông Nguyễn Hữu M và bà Mai Thị V phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thanh V1 số tiền công sức tu bổ, giữ gìn đất và hỗ trợ chi phí di dời tổng cộng là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thanh V1 đối với yêu cầu công nhận cho bà quyền sử dụng đất diện tích 162,2m² cùng căn nhà trên đất.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu M và bà Mai Thị V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thanh V1 trả các tài sản trong nhà gồm: 01 đi văng, 01 giường hộp và 01 tủ thờ.

6. Để đảm bảo cho việc thi hành án, đề nghị các bên đương sự giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Nghiêm cấm việc đào phá, hủy hoại làm thay đổi hiện trạng đất, không được chuyển nhượng hoặc thực hiện bất cứ hình thức nào khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

7. Về chi phí tố tụng khác: Tổng số tiền đã chi là 6.503.610 (sáu triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm mười) đồng. Số tiền này ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V và bà Nguyễn Thanh V1 đã tạm ứng và chi xong.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V và bà Nguyễn Thanh V1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu M, bà Mai Thị V là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự phúc thẩm.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

11. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND KV10 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV10 - Vĩnh Long;
- Phòng GD, KT, TT & THA TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang